

Số: *309*/KH-UBND

Lào Cai, ngày *09* tháng 10 năm 2019

KẾ HOẠCH

Kiểm tra liên ngành triển khai thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện Quyết định số 1696/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020; văn bản số 405/LĐTĐ-BHXH-BĐG ngày 22/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn triển khai công tác bình đẳng giới năm 2019; Hướng dẫn số 09/UBQG-VP ngày 12/3/2019 của Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam về việc hướng dẫn hoạt động công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ năm 2019; UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra liên ngành triển khai thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Kiểm tra, đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

2. Thông qua công tác kiểm tra kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và điều chỉnh hoạt động phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chương trình hành động để chuẩn bị tổng kết giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời đề ra những giải pháp khắc phục trong thời gian gian tới.

3. Công tác kiểm tra đảm bảo khách quan, đúng thời gian, đánh giá đúng thực trạng tình hình thực hiện các mục tiêu trong Chương trình hành động bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 tại một số cơ sở xã, phường, huyện, thành phố.

4. Các xã, huyện được kiểm tra xây dựng báo cáo bằng văn bản theo đề cương, cung cấp đầy đủ các văn bản, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra theo yêu cầu, phối hợp tạo điều kiện để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

II. THỜI HIỆU VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Thời hiệu kiểm tra: Từ ngày 01/01/2016 đến hết ngày 30/9/2019.

2. Thời gian kiểm tra: Trong tháng 10, 11/2019 và không quá 20 ngày làm việc.

III. ĐỊA BÀN KIỂM TRA:

- Cấp huyện: Tại 04 huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương.

- Cấp xã: Mỗi huyện lựa chọn 02 xã để kiểm tra.

IV. THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA LIÊN NGÀNH

- Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành bao gồm các sở, ngành, đoàn thể tỉnh: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh. Trong đó, lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực) làm Trưởng đoàn; lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.

- Đoàn kiểm tra liên ngành chia thành 02 tổ kiểm tra: Tổ 1 do lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Tổ trưởng; Tổ 2 do lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh làm Tổ trưởng; tham gia 02 tổ kiểm tra là các sở, ngành thành viên.

(Có Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành riêng)

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG KIỂM TRA

- Đoàn kiểm tra liên ngành làm việc với UBND các huyện được kiểm tra (gồm các thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ) để triển khai quyết định, kế hoạch kiểm tra, thống nhất nội dung trong đề cương báo cáo, lịch kiểm tra, xã được lựa chọn kiểm tra.

- Các huyện được kiểm tra xây dựng báo cáo theo đề cương và cung cấp các văn bản, tài liệu có liên quan gửi Đoàn kiểm tra liên ngành trước 5 ngày để các thành viên trong Đoàn nghiên cứu, tiến hành kiểm tra trực tiếp theo lịch *(Đề cương chi tiết kèm theo)*.

- Đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành kiểm tra thực tế tại các cơ quan, đơn vị đã được chọn kiểm tra: Đánh giá công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình bình đẳng giới trên các lĩnh vực và kết quả triển khai mô hình Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng; kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra trong Chương trình; những khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình; bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị; các nội dung khác liên quan.

- Đoàn kiểm tra liên ngành thông báo kết luận kiểm tra bằng văn bản và đề xuất, kiến nghị, giải pháp.

VI. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách tỉnh chi cho hoạt động kiểm tra, giám sát công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh năm 2019 đã giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thành viên Đoàn kiểm tra liên ngành (theo Quyết định của UBND tỉnh) triển khai Kế hoạch kiểm tra.

- Phối hợp UBND các huyện: Văn Bàn, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương chuẩn bị các điều kiện để Đoàn kiểm tra liên ngành làm việc.

- Hướng dẫn UBND các huyện Văn Bàn, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương tổng hợp Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới theo đề cương và cung cấp các văn bản, tài liệu có liên quan.

- Theo dõi đánh giá các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới liên quan đến: Lĩnh vực chính trị về quy hoạch tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, nữ tạo nguồn cán bộ nữ, tỷ lệ nữ để bổ nhiệm các chức danh trong hệ thống chính trị tại các huyện, thành phố và UBND xã kiểm tra; kết quả thực hiện việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản; phối hợp thẩm định nội dung tảo hôn, cưỡng ép kết hôn tại tiêu chí 18.6 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Tổng hợp báo cáo kết quả sau khi kết thúc đợt kiểm tra 15 ngày và báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá nguồn kinh phí trung ương, địa phương, nguồn vận động xã hội hóa thực hiện các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá việc lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng tại các huyện, các xã được kiểm tra.

4. Sở Y tế:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới liên quan đến ngành Y tế tại các huyện, các xã được kiểm tra.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới liên quan đến ngành Giáo dục và Đào tạo tại các huyện, các xã được kiểm tra.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới liên quan đến ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại các huyện, các xã được kiểm tra.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá các mục tiêu trong Chương trình hành động về bình đẳng giới liên quan đến lĩnh vực thông tin, công tác truyền thông nâng cao nhận thức, vận động xã hội thay đổi hành vi tại các huyện, các xã được kiểm tra.

8. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh:

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tại các huyện, các xã được kiểm tra.

- Theo dõi đánh giá: Kết quả tham gia giám sát, phản biện, đối thoại với nhân dân về việc thực hiện chính sách pháp luật về bình đẳng giới; kết quả giải ngân nguồn vốn vay thông qua các tổ chức Hội ở cơ sở; công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức trong nhân dân về các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới; công tác phụ nữ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các mục tiêu có liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ tại các huyện, các xã được kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra liên ngành triển khai thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020; các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT1;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh: Lao động - TBXH, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- UBND các huyện: Văn Bàn, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mường Khương;
- CVP, PCVP3;
- Lưu: VT, TH4, BBT, VX3,4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hưng

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình hành động Quốc gia về bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2016 - 2020



I. Đặc điểm tình hình chung

Nêu khái quát đặc điểm chính, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020 của huyện

II. Công tác chỉ đạo, phối hợp

- Việc triển khai quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết, Chương trình, Đề án... của Trung ương, của tỉnh liên quan đến công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Việc cụ thể các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh thành văn bản chỉ đạo của UBND huyện tại địa phương.

- Việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(Đề nghị lập danh mục các văn bản kèm theo)

III. Kết quả triển khai các hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ

1. Tổ chức bộ máy, biên chế thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình đẳng giới và Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ

1.1. Tổ chức bộ máy, cán bộ quản lý nhà nước về bình đẳng giới

1.2. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp

1.3. Việc thực hiện Quy chế hoạt động của Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ

2. Kết quả triển khai các hoạt động của Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ

2.1. Tham mưu xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ nữ

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ

IV. Kết quả thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới:

1. Bình đẳng giới trong chính trị:

(Các hoạt động tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị; kết quả thực hiện 3 chỉ tiêu của mục tiêu 1 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ - UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020).

1.1. Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020

- Cấp huyện: Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia ủy viên Ban Chấp hành là..., đạt ...% (tăng, giảm...%) so với nhiệm kỳ trước. Cán bộ nữ giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy là...; cán bộ nữ giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy là...

- Cấp xã: Tỷ lệ cán bộ nữ tham gia ủy viên Ban Chấp hành là..., đạt ...% (tăng, giảm...%) so với nhiệm kỳ trước. Cán bộ nữ giữ chức vụ Bí thư là..., đạt ...%; cán bộ nữ giữ chức vụ Phó Bí thư là..., đạt ...%.

1.2. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021

Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp:

- Cấp huyện: Có.../...đại biểu, đạt...%.

- Cấp xã: Có.../...đại biểu, đạt...%.

1.3. Tỷ lệ các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND các cấp có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ

- Cấp huyện: Nữ trưởng, phó các phòng, ban, ngành, đoàn thể là .../...người, đạt ...%.

- Cấp xã: Số nữ cán bộ lãnh đạo chủ chốt là.../...người, đạt...% (tăng, giảm...%). Trong đó .../...xã, phường, thị trấn có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ chiếm tỷ lệ từ ...% trở lên.

- Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện.

2. Bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế:

(Đánh giá các hoạt động làm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế; nguồn lực ngân sách địa phương dành cho Chương trình hành động về bình đẳng giới; kết quả thực hiện chỉ tiêu 2 của mục tiêu 2 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020).

- Số doanh nghiệp trên địa bàn..., phân theo thành phần kinh tế:

+ KT nhà nước:

+ KT ngoài nhà nước:

- Giám đốc/chủ doanh nghiệp:... Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp là.../..., đạt...%.

- Nhóm tuổi: < 30 tuổi; > 30 tuổi; > 40 tuổi; > 50 tuổi

- Trình độ học vấn: Trung cấp, cao đẳng/đại học/trên đại học.

- Trong khối công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, tỷ lệ phụ nữ tham gia làm chủ đạt ...% trong tổng số lãnh đạo điều hành công ty, doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh doanh.

* Kinh phí hoạt động:

- Ngân sách Trung ương (từ nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu thuộc Chương trình quốc gia Bình đẳng giới).

- Ngân sách địa phương (nguồn ngân sách địa phương chi cho công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn 2016 - 2020):

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	Chương trình Bình đẳng giới					
2	Công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ					
3	Nguồn khác (vận động)					

3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm:

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là...người, trong đó số lao động nữ là...người, bằng%. Số lao động tham gia hoạt động kinh tế có...lao động, trong đó lao động nữ chiếm....%.

- Số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn...người, số lao động nữ trong các doanh nghiệp đang hoạt động là...người.

- Tỷ lệ thất nghiệp chia theo giới tính nam là...% và nữ là...%; tỷ lệ thất nghiệp thành thị chiếm...% và nông thôn chiếm...%.

- Số người được tạo việc làm mới:... Trong đó, tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm mới hàng năm đạt...%.

- Xuất khẩu lao động: Số lao động của địa phương đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và ở từng thị trường: Từ năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn:...người; trong đó:...lao động tại Nhật,...tại Đài Loan;...tại Trung Quốc, các nước khác...

- Tình hình lao động của địa phương qua biên giới làm việc: Năm 2016 đến quý III năm 2019 đi lao động tự do xuất cảnh trái phép...trường hợp.

- Tổng số lao động qua đào tạo nghề..., lao động nông thôn được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật... Trong đó, tỷ lệ lao động nữ được tạo việc làm mới hàng năm đạt...%.

- Kết quả giảm nghèo: Năm 2016 có...hộ nghèo, chiếm...%; số hộ cận nghèo có..., chiếm...%. Quý III/2019: Ước giảm xuống còn...%; so với Nghị quyết của Đảng bộ huyện đến cuối nhiệm kỳ 2020 tỷ lệ hộ nghèo còn...% (đạt, chưa đạt).

- Hỗ trợ vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm với...dự án, kinh phí cho vay...triệu đồng, tạo việc làm cho...lao động.

Tổng số hộ có nhu cầu được vay vốn... Phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu đã được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng khác,...

- Thực hiện Đề án 295 “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, giới thiệu việc làm”. Tỷ lệ nữ tham gia học nghề...% trên tổng số tuyển sinh, tỷ lệ có việc làm sau học nghề đạt...%.

3. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

(Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước đảm bảo sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 3 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ - UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020).

- Số trường học, lớp học và phòng học mầm non:...trường, với...lớp học, ...phòng học, ...giáo viên, ...học sinh.

- Số trường học, lớp học phổ thông:...trường (tiểu học...trường, THCS...trường, THPT...trường); ...lớp học (tiểu học...lớp, THCS...lớp, THPT...lớp); số giáo viên phổ thông...giáo viên (tiểu học...giáo viên, THCS...giáo viên, THPT...giáo viên); số học sinh phổ thông...học sinh (tiểu học...học sinh, THCS...học sinh, THPT...học sinh). Tỷ lệ học sinh đi học phổ thông đạt...%, trong đó nữ...% (nữ tiểu học đạt...%, nữ THCS...%, nữ THPT...%). Tỷ lệ đi học đúng tuổi...%, trong đó nữ đạt...%, (nữ đi học đúng tuổi hệ tiểu học...%, hệ THCS...%, hệ THPT...%). Tỷ lệ học sinh phổ thông lưu ban...% (trong đó tiểu học ...%, THCS...%, THPT...%). Tỷ lệ học sinh phổ thông bỏ học (trong đó tiểu học...%, THCS...%, THPT...%).

- Tỷ lệ nữ trong độ tuổi từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết đạt...%.

- Đội ngũ nữ trí thức không ngừng tăng cả về số lượng, chất lượng và được trẻ hóa; trên địa bàn huyện hiện có...thạc sỹ, trong đó có...nữ thạc sỹ, chiếm...%, phân theo dân tộc:...; trình độ Tiến sỹ..., trong đó có...nữ thạc sỹ, chiếm ...%, phân theo dân tộc:...

4. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Y tế:

(Các hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 4 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020).

- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế là%. Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe...% năm 2016; ...% năm 2019.

- Tỷ số giới tính khi sinh ...trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái; tỷ lệ phá thai...%. Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản từ 32,6/100.000 năm 2016 xuống còn .../100.000 năm 2019. Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai đủ 3 lần đạt...%; tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiêm phòng uốn ván đạt...%.

- Số Trạm y tế có nữ hộ sinh (y sỹ sản nhi).../trạm. Cơ sở y tế đảm bảo cung cấp thuốc vật tư dụng cụ thiết yếu phục vụ đỡ đẻ an toàn.../trạm. Công tác

chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hoá gia đình được quan tâm, có...% các cơ sở y tế công lập trong toàn huyện thực hiện được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hoá gia đình.

5. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hoá, Thông tin

(Các hoạt động nhằm đảm bảo bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 5 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020)

- Tỷ lệ sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới...%.
- Số chương trình phát sóng, chuyên mục phụ nữ, bình đẳng giới
- + Chương trình truyền hình..., số giờ phát sóng...
- + Chương trình phát thanh..., số giờ phát thanh...
- Số kênh phát sóng Đài truyền hình - Phát thanh...kênh.
- Số cơ quan báo chí có chuyên mục, chuyên đề phụ nữ và bình đẳng giới...đơn vị.

6. Bình đẳng giới trong lĩnh vực Gia đình:

(Các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới; kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 6 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020)

- Số hộ dân cư đạt chuẩn văn hóa năm 2018 là...hộ, đạt...%. Chỉ tiêu bảo đảm việc tiếp cận và hưởng thụ bình đẳng nhu cầu thương thức văn hóa, tiếp nhận thông tin giữa nam và nữ tăng từ ...% năm 2016 lên ...% năm 2019. Đến nay, trên toàn huyện có...thôn, bản, tổ dân phố có đội văn nghệ, ...thôn, bản, tổ dân phố có đội thể thao; ...CLB khiêu vũ, ...CLB cầu lông, ...CLB bóng bàn, ...CLB chèo, ... CLB thơ ca. Thành viên của các đội văn nghệ, đội thể thao và các câu lạc bộ bao gồm cả nam và nữ..., số lượng nữ giới tham gia đạt...% so với tổng số thành viên.

** Tư vấn, góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư về phòng, ngừa bạo lực gia đình và hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình*

- Đến nay, tổng số hộ gia đình xảy ra bạo lực trên địa bàn là...hộ; tổng số vụ bạo lực gia đình xảy ra là...vụ; trong đó số vụ được tư vấn, góp ý phê bình trong cộng đồng dân cư là...vụ.

- Xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn: Tính đến thời điểm hiện tại huyện đã triển khai, nhân rộng mô hình tại...xã/huyện, ...câu lạc bộ, nhóm phòng chống bạo lực gia đình.

** Hoạt động bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình*

- Số hộ gia đình thường xuyên diễn ra bạo lực là...hộ, tổng số vụ bạo lực

gia đình là...vụ. Trong đó số vụ được can thiệp, xử lý là...vụ, cảm tiếp xúc...vụ, áp dụng biện pháp giáo dục...vụ, xử phạt vi phạm hành chính...vụ.

- Tính đến hết ngày 30/9/2019, tổng số cơ sở khám, chữa bệnh ban đầu cho nhân dân, trong đó có nạn nhân bạo lực gia đình là...cơ sở (theo Thông báo số 1105/BHXH-GĐBHYT ngày 26/10/2016 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai về việc thông báo cơ sở khám chữa bệnh BHYT ban đầu năm 2017). Số cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình là...cơ sở. Trong năm 2019, cơ sở tư vấn đã tiếp nhận tư vấn...nạn nhân bạo lực gia đình và...người gây bạo lực gia đình; số địa chỉ tin cậy ở cộng đồng là...địa chỉ góp phần tích cực vào việc cung cấp nơi tạm lánh cũng như tư vấn, hòa giải cho các trường hợp bạo lực gia đình.

- Kết quả lồng ghép tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình vào các Đề án 554 “Tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho phụ nữ nông dân, phụ nữ dân tộc thiểu số”; Đề án 704 “Giáo dục 5 triệu bà mẹ nuôi dạy con tốt”; Đề án 343 “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”

- Hỗ trợ các nạn nhân bị buôn bán có điều kiện hòa nhập cộng đồng:

+ Tổng số nạn nhân bị buôn bán trở về...; trong đó: nữ..., dân tộc...

+ Số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả...; trong đó: nữ..., dân tộc...

+ Số nạn nhân bị mua bán trở về được giải cứu:...; trong đó: nữ..., dân tộc...

+ Số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện:...; trong đó: nữ..., dân tộc...

+ Số nạn nhân bị buôn bán trở về được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng:...; trong đó: nữ..., dân tộc...

7. Bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ:

(Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nghiên cứu khoa học. Kết quả thực hiện mục tiêu 3 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020)

- Tổng số đơn vị tham gia hoạt động khoa học và công nghệ:...đơn vị.

- Tổng số người tham gia nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm:... người, phân ra:

+ Nhóm tuổi: < 30 tuổi; > 30 tuổi; > 40 tuổi; 50 tuổi trở lên.

+ Trình độ chuyên môn: Đại học, thạc sỹ, tiến sỹ.

+ Dân tộc:

+ Chức danh:

- Tổng số đề tài/nghiên cứu khoa học và công nghệ:

+ Cấp đề tài/dự án: Tỉnh/huyện/nhà nước.

+ Lĩnh vực đề tài dự án đã được ứng dụng.

8. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

(Thực hiện lồng ghép giới vào quá trình hoạch định chính sách; tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp. Kết quả thực hiện mục tiêu 7 được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chương trình hành động bình đẳng giới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020).

8.1. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới

- Số lượng chương trình, sản xuất các sản phẩm truyền thông về công tác bình đẳng giới, số lượng các sản phẩm.

- Số lượng tổ chức các chiến dịch truyền thông theo chủ đề, thường niên (nội dung truyền thông, giáo dục, vận động xã hội thực hiện công tác bình đẳng giới; các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội đã được thực hiện...).

* Kết quả tác động:

- Khả năng đáp ứng, sự phù hợp giữa nội dung truyền thông với nhu cầu của các nhóm đối tượng xã hội.

- Khả năng tiếp cận với các hình thức/kênh truyền thông của các nhóm đối tượng.

- Những tác động của truyền thông, giáo dục, vận động xã hội đối với việc nâng cao nhận thức về thực hiện công tác bình đẳng giới của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội.

* Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (từ năm 2016 và dự báo đến năm 2019).

8.2. Công tác tập huấn nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Đánh giá nhu cầu cần nâng cao năng lực của các nhóm đối tượng;

- Số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên nguồn; chương trình, kế hoạch đào tạo/tập huấn đã được biên soạn, truyền tải;

- Số lượng các lớp tập huấn đã được tổ chức cho các nhóm đối tượng (do tỉnh tổ chức và do huyện tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới cấp huyện, xã và đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên). Đánh giá sự phù hợp về nội dung tập huấn với từng nhóm đối tượng.

- Số lượng cán bộ, cộng tác viên được tập huấn nâng cao năng lực.

* Kết quả tác động:

- Đánh giá khả năng đáp ứng của công tác tập huấn so với nhu cầu, năng lực của đối tượng được tập huấn;

- Đánh giá chất lượng đào tạo/tập huấn.

* Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (từ năm 2016 và dự báo đến năm 2019).

8.3. Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ đại biểu HĐND các cấp; nữ cán bộ quản lý; nữ cán bộ thuộc diện quy hoạch chủ chốt

- Đánh giá kết quả tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ đại biểu HĐND các cấp; nữ cán bộ quản lý; nữ cán bộ thuộc diện quy hoạch chủ chốt trên địa bàn huyện, xã.

- Đánh giá việc chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức các buổi Diễn đàn, Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm giữa các nữ đại biểu HĐND và nữ lãnh đạo các cấp để cùng chia sẻ về lồng ghép bình đẳng giới trong quản lý lãnh đạo.

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu (từ năm 2016 và dự báo đến năm 2019).

8.4. Xây dựng thực hiện các mô hình tăng cường sự tham gia của phụ nữ và thúc đẩy bình đẳng giới trong những lĩnh vực có nguy cơ bất bình đẳng giới cao

* Mô hình thứ nhất: Hỗ trợ phụ nữ tạo việc làm và khởi nghiệp

Đánh giá việc tổ chức đào tạo nghề cho phụ nữ theo nhu cầu phát triển của doanh nghiệp và hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhận, sử dụng lao động khi chị em thành nghề; hỗ trợ phụ nữ nông thôn khởi sự sản xuất ngành nghề truyền thống tại địa phương thông qua thị hiếu của người tiêu dùng bằng các hoạt động dịch vụ cho vay vốn ưu đãi, tiêu thụ sản phẩm...

* Mô hình thứ hai: Ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới (theo tiêu chí nông thôn mới 18.6).

- Tổng số thôn, bản/xã có mô hình “Địa chỉ tin cậy - Nhà tạm lánh tại cộng đồng” đến thời điểm hiện nay.

- Đánh giá việc tổ chức thành lập mô hình “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng”. Hiệu quả quản lý hoạt động của Ban quản lý làm việc cho mô hình “Địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng”. Kết quả công tác hỗ trợ, can thiệp, tư vấn cho nạn nhân bị bạo lực giới, bạo lực gia đình; số người được tư vấn, hỗ trợ/năm.

- Đánh giá vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đặc biệt sự phối hợp trong việc triển khai thực hiện và duy trì hoạt động của các mô hình.

* Mô hình thứ ba: Sửa đổi quy ước, hương ước đảm bảo các nguyên tắc bình đẳng giới.

Đánh giá việc phối hợp tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung quy ước, hương ước làng bản của cộng đồng đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho già làng, trưởng thôn bản, người có uy tín trong cộng đồng và người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và sự phân biệt đối xử “Trọng nam khinh nữ” trong cộng đồng dân cư.

V. Đánh giá chung

1. Đánh giá kết quả đạt được các mục tiêu so với đầu kỳ

1.1. Đánh giá tác động của việc thực hiện các giải pháp của Chương trình

- 1.2. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu/mục tiêu Chương trình đã đề ra
 - Các mục tiêu, chỉ tiêu đạt so với mục tiêu đặt ra của Chương trình.
 - Các mục tiêu, chỉ tiêu không đạt so với mục tiêu đặt ra của Chương trình.

2. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình

- 2.1. Thuận lợi
- 2.2. Những khó khăn, vướng mắc
- 2.3. Nguyên nhân
- 2.4. Đề xuất giải pháp

3. Bài học kinh nghiệm

- 3.1. Chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn
- 3.2. Phối hợp thực hiện
- 3.3. Phân bổ nguồn lực (tài chính, con người)
- 3.4. Vận động xã hội
- 3.5. Bài học khác

4. Đề xuất, kiến nghị

Trên cơ sở kết quả đạt được, những khó khăn, bất cập và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện Chương trình hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020, đề xuất các mục tiêu, nội dung, hoạt động, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng của công tác bình đẳng giới về:

- 4.1. Bổ sung, điều chỉnh pháp luật, chính sách
- 4.2. Cơ cấu tổ chức, nhân lực
- 4.3. Phân bổ kinh phí
- 4.4. Phối hợp thực hiện
- 4.5. Vận động xã hội
- 4.6. Giám sát, đánh giá
- 4.7. Kiến nghị khác. 